ベトナム語版 「日本語版と一緒に渡してください」

MIYASHIRO TOWN

Cách phân biệt rác thông thường và rác tái chế

（ごみと資源物の分別方法）

Xin vui lòng tham khảo lịch thu gom rác trang sau và ghi thứ trong tuần ↓

（p8 の収集スケジュールを参照し、曜日を書いてください）

Rác đốt được（燃やせるごみ）



Rác sống（生ごみ）



Giày dép, dép xăng đan, v.v.（靴、サンダルなど）



Hộp đựng bánh pizza giao hàng tận nhà（リサイクルできない紙）



Nhánh cây（枝木）



Tã giấy（紙おむつ）

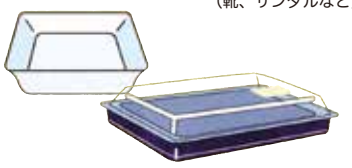

Khay đựng đồ ăn（食品トレイ）



Túi nilon (nhựa)（ビニール袋）





Hộp đựng thức ăn bằng nhựa（プラスチック製の食品容器）

2 lần/tuần（週２回）

(Thứ 3)
(Thứ 6)
（火・金曜日）

Rác không đốt được（燃やせないごみ）



Sản phẩm kim loại (nồi, ấm nấu nước, v.v...)（金属製品）



Sản phẩm có chứa kim loại (như cây dù, v.v...)（金属を含む製品）



Đồ bằng thủy tin, gốm sứ（ガラス製品・陶磁器）

1 lần/tháng（月１回）

(Thứ 4 của tuần thứ 4)

（第４水曜日）

Rác độc hại（有害ごみ）

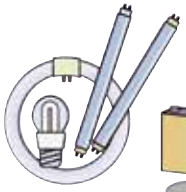

Các loại đèn huỳnh quang（蛍光管）



Các loại pin（乾電池）



Các loại bật lửa（ライター類）



Bình xịt（スプレー缶）



Pin dự phòng điện thoại, v.v...（モバイルバッテリー等）

Đồ điện gia dụng nhỏ có thể sạc pin（充電式小型家電）





Nhiệt kế thuỷ ngân, huyết áp kế thuỷ ngân, v.v...（水銀式体温計・水銀式血圧計）

Chú ý（注意）

Bộ sạc di động, v.v. và các thiết bị điện nhỏ có thể sạc lại được là chất thải nguy hại.

（モバイルバッテリー等、充電式小型家電は有害ごみ）

1 lần/tháng（月１回）

(Thứ 4 của tuần thứ 3)

（第３水曜日）

Rác tái chế（資源）

Chai lọ thủy tinh, lon, chai nhựa（びん・缶・ペットボトル）





Chai lọ thủy tinh（びん）





Lon（缶）





Chai nhựa（ペットボトル）

1 lần/tuần（週１回）

(　　)

Giấy, vải・quần áo（紙類、布・衣類）

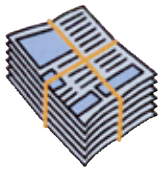

Giấy báo（新聞）



Tạp chí, giấy tạp（雑誌・ざつがみ）



Thùng carton（ダンボール）

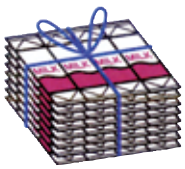

Vỏ giấy hộp sữa（飲料用紙パック）



Vải・quần áo（布・衣類）

2 lần/tháng（月２回）

(　　)

【Chú ý】Vui lòng mang rác ra nơi quy định trước 8:30, đúng ngày quy định cho từng loại rác.

（重要）
（8 時 30 分までに、決められた日・場所にごみを出してください）

Ngày lễ cũng thu gom rác.

（祝日も収集します）

Không để giấy vào rác đốt được.

（紙を燃やせるごみとして出さないで下さい）



● "Tái chế các loại bao bì bằng nhựa, bao giấy là việc làm rất có giá trị. Vui lòng hợp tác phân chia đúng các loại rác, để tiện lợi cho việc tái chế và bảo vệ môi trường. "

● Rác không phân loại sẽ không được thu gom. Rác không được thu gom sẽ bị dán nhãn, hãy mang ra lại sau khi đã phân loại.

Miyashiro Town TEL:0480-34-1111 FAX:0480-34-1093
〒345-8504 Kasahara 1-4-1 Miyashiro Saitama
https://www.town.miyashiro.lg.jp

☞ P2 Cách bỏ rác đốt được（燃やせるごみの出し方）
☞ P3
☞ P4 Cách bỏ rác không đốt được（燃やせないごみの出し方） Cách bỏ rác độc hại（有害ごみの出し方）
☞ P5 Cách bỏ rác chai lọ thủy tinh, lon, chai nhựa（びん・缶・ペットボトルの出し方）
☞ P6 Cách bỏ rác giấy, vải・quần áo（紙類、布・衣類の出し方）
☞ P7 Cách bỏ rác có kích thước lớn（粗大ごみの出し方）

2

Cách bỏ rác đốt được

(燃やせるごみの出し方)

Rác mà thị trấn Miyashiro quyết định「đốt」

(宮代町が「燃やせる」と決めたごみ)



Túi nilon chỉ định

(指定袋)

Ví dụ (例)



Rác sống

(生ごみ)



Vỏ trứng

(卵の殻)

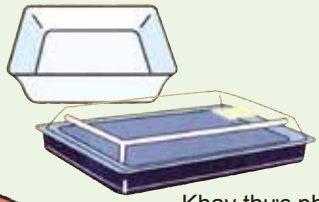

Khay thực phẩm

(食品トレイ)



Hộp đựng natto

(納豆の容器)

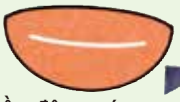

Dầu đông cứng

(固めた油)

Dầu ăn

(調理油)



Giấy thấm dầu và vải

(油をふいた紙や布)

※ Lau sạch dầu ăn đã sử dụng bằng giấy hoặc vải, hay làm đông cứng và bỏ



Đồ đựng mì ăn liền

(インスタント麺の容器)



Túi đựng đồ ăn sẵn

(レトルトパック)



Vỏ tôm cua ốc

(貝がら)



Tàn thuốc

(吸い殻)

Chai đựng dầu bằng nhựa

(プラスチック製の油容器)





Chậu cây nhựa

(プラスチック製の植木鉢)







Giấy không thể tái chế ※Tham khảo trang 6

(リサイクルできない紙 ※６ページ参照)



Tã giấy đã dùng

(紙おむつ)



Xô nhựa

(プラスチック製のバケツ)



Thuốc chống côn trùng／Long não

(防虫剤)

※ Không cần túi được chỉ định

(指定袋は不要です)



Cành cây (枝木)

※ Sau khi cắt chiều dài 60cm trở xuống, độ dày dưới 10cm, Vui lòng bó lại sao cho đường kính không quá 30 cm

(長さ60cm、太さ10cm以下に切って、直径30cm以内に束ねてください)



Đồ dùng vệ sinh cá nhân

(衛生用品)



Cỏ (đã lấy đất)

(草)(土をとる)

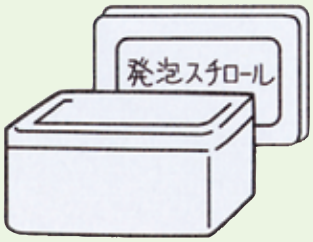

Thùng (hộp) xốp

(発泡スチロール)



Túi mua hàng

(ビニール袋)



Nắp nhựa

(プラスチック製のフタ)

● Chú ý ● (注意)

Giấy và quần áo là những nguồn tài nguyên có thể tái chế.

(紙類、布・衣類はリサイクル可能な資源です)

Vứt bỏ như
Tài nguyên có thể tái chế
(Giầy, vải・quần áo)

(資源(紙類、布・衣類)で出してください)



Phân loại rác là bảo vệ môi trường. Cám ơn bạn đã hợp tác.

(ごみを分別することは環境保護になります。ご協力お願いします。)



Vui lòng bỏ rác đốt được vào túi quy định và mang đi bỏ. Không thu gom rác đựng trong túi giấy hoặc hộp giấy.

(燃やせるごみは指定袋に入れて出してください。紙袋やダンボール箱に入ったものは収集しません。)

Nhiữg vật dụng không vừa với túi quy định có dung tích tối da 45 lít dược coi là rác cồng kềnh.(xem trang 7)

（45ℓまでの指定袋に入らないものは粗大ごみです）



Túi đựng bánh kẹo
（お菓子の袋）



Cái túi
（カバン）



Giày dép
（靴、サンダルなど）

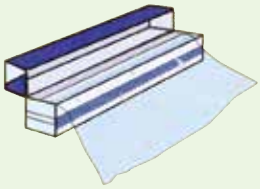

Bọc thức ăn
（ラップ）



Thắt lưng
（ベルト）



Futon, gối, đệm tựa, thảm, v.v.
（布団、まくら、クッション
カーペットなど）



Quần tất
（パンティーストッキング）



Thú nhồi bông
（ぬいぐるみ）



Đồ đựng sốt mayonnaise
（マヨネーズの容器）



Chai đựng dầu gội đầu
（シャンプーの容器）



Băng video
（ビデオテープ）



Miếng giữ ấm
（使い捨てカイロ）



Chất bảo quản lạnh
（保冷剤）



Vỉ thuốc
（薬剤シート）



CDs･DVDs
（CD・DVD）



Bàn chải đánh răng
（歯ブラシ）



Album
（アルバム）



Quả bóng (đã xì hơi)
（ボール）（空気を抜く）



Đồ không thể bỏ (ví dụ)

（出せないもの）（例）

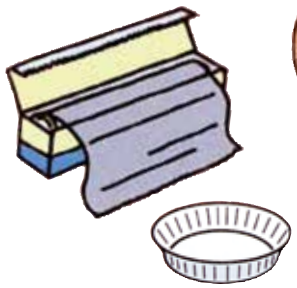

Đồ nhôm
（アルミホイル製品）

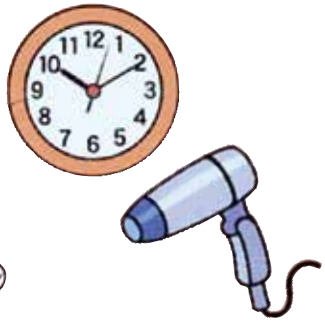

Thiết bị điện
（電化製品）

Rác không đốt được
（燃やせないごみ）

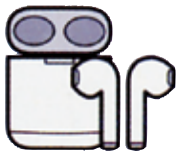

Tai nghe không dây
（ワイヤレスイヤホン）

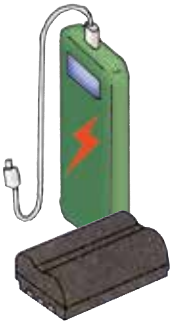

Pin di động
（モバイルバッテリー）



Thuốc lá điện tử
（電子タバコ）

Rác độc hại
（有害ごみ）

Cách bỏ rác không đốt được

(燃やせないごみの出し方)

Rác mà thị trấn Miyashiro quyết định「không thể đốt」

(宮代町が「燃やせない」と決めたごみ)



Túi nilon chỉ định

(指定袋)

Đồ đang dùng có bộ phận kim loại, kim loại, đồ thủy tinh, đồ gốm

(金属製品、金属を含む製品、ガラス製品、陶磁器)



Đồ gốm (陶磁器)



Nồi・Ấm nấu nước

(なべ・やかん)



Chảo rán

(フライパン)



Sản phẩm thủy tinh

(ガラス製品)

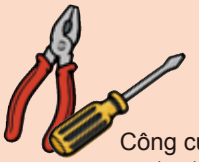

Công cụ

(工具)

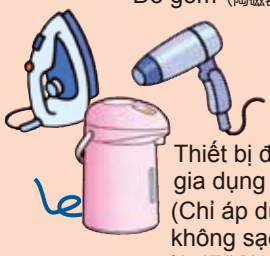

Thiết bị điện gia dụng

(Chỉ áp dụng cho loại không sạc lại được)

(小型電化製品)



Bếp gas

(ガスコンロ)



Đồ nhôm

(アルミ製品)



Bóng đèn

(電球)



Chậu cây cảnh

(植木鉢)



Đồ cạo râu

(カミソリ)



Gương

(鏡)



Con dao

(包丁)



Chai lọ mỹ phẩm, lọ thuốc trừ sâu

(化粧品のびん、農薬のびん)



Dàn âm thanh mini

(ミニステレオ)



Đài radio cassette

(ラジカセ)

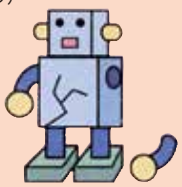

Đồ chơi bằng kim loại

(金属製のおもちゃ)

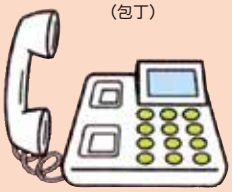

Máy điện thoại

(電話機)



Đồng hồ (時計)



Máy hút bụi

(掃除機)



Thiết bị chiếu sáng

(照明器具)



Cáy dù (かさ)

※ Túi chỉ định không cần thiết. Bó và cột lại

(※指定袋は不要、たばねてしばる)



Lon nhôm không dùng cho đồ uống

(非飲料用アルミ缶)

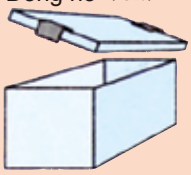

Hộp đựng trang phục bằng kim loại

(金属製の衣類ケース)



Mền điện, Thảm điện

(電気毛布、電気カーペット)



Ghế ngồi bệt

(座椅子)

Bộ sạc di động, v.v. và các thiết bị sạc được là chất thải nguy hại

(モバイルバッテリー等や充電式小型家電は有害ごみ)

Cách bỏ rác độc hại

(有害ごみの出し方)

Phân loại và cho vào túi nhựa trong suốt hoặc bán trong suốt.

(別々に分けて透明か半透明な袋に入れてください)



Trong suốt đến mức có thể nhìn thấy nõ bên trong

(中身が見えるくらいの透明度)



● Các loại đèn huỳnh quang

(蛍光管)



● Bình xịt, bình ga mini

(スプレー缶、ガス缶)



● Đồ điện gia dụng nhỏ có thể sạc pin

(充電式小型家電)



● Các loại bật lửa

(ライター類)





● Pin khô, pin cúc áo, pin đồng xu

(乾電池・ボタン電池・コイン型電池)



● Pin dự phòng điện thoại, v.v…

(モバイルバッテリー等)

● Nhiệt kế thuỷ ngân, huyết áp kế thuỷ ngân. v.v…

(水銀式体温計・水銀式血圧計)

Bình ga nhỏ khi sử dụng hết. Đừng làm thủng bình ga vì như thế rất nguy hiểm

(ガスは使い切る。危ないので容器に穴をあけない!)



Bóng đèn sợi đốt là rác thải không cháy được.

(白熱電球は燃やせないごみ)

Đồ có thể tái chế

(リサイクルできるもの)

(cách bỏ rác chai lọ thủy tinh, lon, chai nhựa)

(びん・缶・ペットボトルの出し方)







Cho chai, lon và chai nhựa PET vào cùng một túi trong suốt hoặc không màu, mờ đục

(びん・缶・ペットボトルを透明または無色半透明の袋にまとめて入れ る)



Tháo rời nắp và nhãn
Nắp nhựa và nhãn nên được vứt bỏ như rác đốt được
Nắp kim loại nên được vứt bỏ như rác không cháy được

(フタとラベルを取り外し、プラスチック等のフタは燃やせるごみ、金属製のフタは燃せないごみ)

Chai lọ thủy tinh

(びん)

Chai đựng thực phẩm và đồ uống (飲食料用びん)

Mở nắp ra, và rửa bên trong bằng nước
(フタをはずし水で内部を洗う)



Đồ gia vị (調味料)



Nước trái cây (ジュース)



Rượu (お酒)



Thực phẩm đóng chai
(びん入り食品)



Đồ uống vitamin
(ビタミンドリンク)



Càphê (コーヒー)



Mứt (ジャム)

Lon

(缶)

Lon đựng thực phẩm và đồ uống (飲食料用缶)



Đồ uống lon
(飲料缶)



Lon trà
(お茶缶)



Lon đựng rong biển
(のり缶)



Lon dầu
(油缶)



Đồ ăn đóng hộp
(食品缶詰)



Lon đựng thức ăn cho thú nuôi
(ペットフード缶)



Lon kẹo
(お菓子缶)



Lon sữa
(ミルク缶)

Chai nhựa (ペットボトル)

Cách bỏ chai nhựa
(ペットボトルの出し方)



Biểu tượng trê chai nhựa
(ペットボトルのマーク)



Tháo bỏ nắp chai và nhãn
(フタとラベルをはずす)



Rửa bên trong bằng nước
(中をすすぐ)



Dập
(つぶす)

Đồ không thể bỏ (ví dụ)

(出せないもの)(例)







Hộp đựng dầu bằng nhựa
(プラスチック製の油容器)



Nắp nhựa
(プラスチック製のフタ)

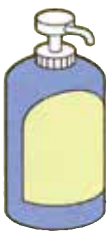

Chai đựng dầu gội đầu
(シャンプーの容器)

Rác đốt được
(燃やせるごみ)



Chai thuốc trừ sâu nông nghiệp
(農薬のびん)

Chai lọ mỹ phẩm
(化粧品のびん)



Lon thiếc. (không phải đồ uống)
(非飲料用アルミ缶)



Lon dầu máy
(機械油缶)



Sản phẩm thủy tinh
(ガラス製品)



Lon đựng nước sơn
(塗料缶)



Thuốc diệt côn trùng không phun
(スプレー式でない殺虫剤の容器)

Rác không đốt được
(燃やせないごみ)



Bình ga mini
(ガスボンベ)



Phun thuốc trừ sâu
(スプレー式の殺虫剤)



Bình xịt
(スプレー缶)

Rác độc hại
(有害ごみ)

5

Rác có thể tái chế （リサイクルできるもの）
Giấy, vải・quần áo （紙類、布・衣類の出し方）

Phân chia rác và cột lại
（種類ごとに分けてヒモでしばってたばねる）

Chú ý （注意）
Vào những ngày mưa, hãy hạn chế vứt giấy và quần áo.
Nếu bắt buộc phải vứt, hãy cho vào túi nhựa trong suốt.
（雨の日は紙類、布・衣類は捨てるのを控えてください。もし、雨の日に捨てる場合は透明な袋に入れて出してください。）

Giấy （紙類）

- Giấy báo （新聞紙）

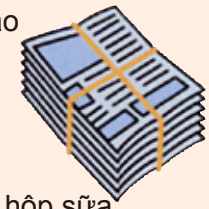

- Thùng carton （ダンボール）

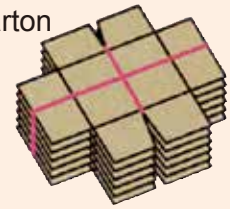

- Vỏ giấy hộp sữa （飲料用紙パック）

Rửa （洗う）
↓
Cắt mở ra （切り開く）
↓
Phơi khô （乾かす）
↓
Cột lại, sau đó chồng lên.
（ひもで束ねる）

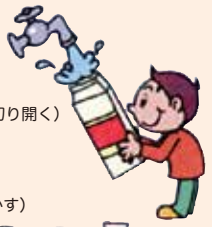



- Tạp chí, bìa giấy cứng các loại （雑誌、ざつがみ）

Sách, tập vở, giấy quảng cáo, thiệp ảnh, thư, hộp giấy, giấy gói, bì thư, giấy ghi chú,v.v…
（本、ノート、新聞の折り込みチラシ、ハガキ紙の箱、包装紙、封筒、メモ用紙など）



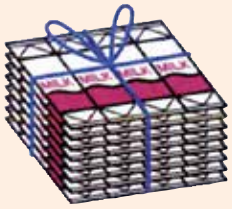



Giấy nhỏ không thể cột hoặc khó cột, thì hãy bỏ vào bì thư hoặc kẹp vào trong tạp chí.
（小さな紙類は封筒や雑誌にはさむ）





Phân ra phần kim loại và phần nhựa.
（金属とプラスチックの部分を取り除く）

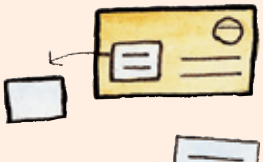

Lấy phần bọc nhựa ra.
（ビニール部分を分離させる）

Vải·quần áo （布・衣類）

Ví dụ （例）

- Quần áo cũ （衣類）

Đừng tháo bỏ nút và dây kéo
（ボタンやジッパーは取り除かない）

Áo sơ mi, Veston, quần tây, váy, đồ lót, áo len, áo khoác dày, áo khoác mỏng, vớ, cà vạt, kimono, đai của kimono
（シャツ、スーツ、スラックス、スカート
下着、セーター、コート、ジャンパー、靴下
ネクタイ、着物、帯）

- Vải （布）

Ra giường, khăn, rèm, ren rèm, mền
（シーツ、タオル、カーテン、レースのカーテン、毛布）



- Giặt sạch, phơi khô, chồng lên và cột lại
（洗って、乾かして、しばってたばねる）

Đồ không thể bỏ (ví dụ) （出せないもの）（例）

Những thứ này không thích hợp để tái chế. Hãy vứt các loại rác này như rác thải co thể đốt được. （これらはリサイクルできないものです。燃やせるごみで出してください）



Đồ dính đồ ăn hoặc dầu mỡ (ví dụ: hộp pizza, hộp bánh kem)
（油や食べ物が付着しているもの）

Giấy vụn （シュレッダーされた紙）



Khăn giấy đã sử dụng （使用済ティッシュペーパー）



Màu bạc （銀色）
Hộp đồ uống có bạc bên trong.
（内部が銀色の飲料用紙パック）

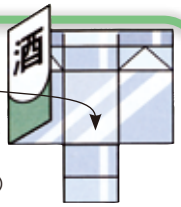

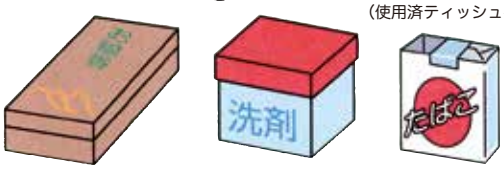

Hộp có mùi (hộp đựng nhang, hộp đựng xà phòng, hộp thuốc lá)
（強いにおいの箱（線香、洗剤、たばこの箱 など））

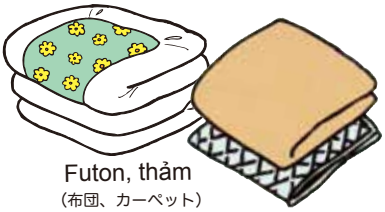

Futon, thảm （布団、カーペット）

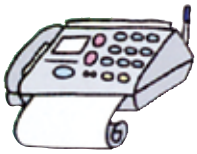

Giấy fax （FAX用紙）
Giấy nhiệt （感熱紙）



Nhãn dán, Giấy dầu, Cốc Giấy, Ảnh (chụp)
（シール、油紙、紙コップ、写真）



Giấy sao chép
Giấy cacbon
（複写紙、カーボン紙）



Áo hanten, áo judo, nón, bao tay
（はんてん、柔道着、帽子、手袋）

Rác đốt được （燃やせるごみ）

Cách bỏ rác có kích thước lớn

（粗大ごみの出し方）

Cần phải có phiếu xử lý rác quá khổ
（粗大ごみ処理券が必要です）

Ví dụ
（例）

● Đồ không thể cho vào túi rác kích cỡ 45 lít
（45リットルごみ袋に入らないもの）


Xe đạp
（自転車）


Ghế
（イス）


Bàn
（机）


Bàn ăn
（テーブル）


Tủ
（タンス）


Kệ
（棚）


Ghế sofa
（ソファー）

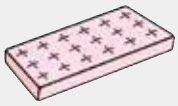
Nệm lò xo
（スプリングマットレス）

● Chú ý ●
（注意）

Máy điều hòa, tivi, tủ lạnh và tủ đông, máy giặt và máy sấy quần áo không thể xử lý như rác cồng kềnh.

（エアコン、テレビ、冷蔵庫・冷凍庫、洗濯機・衣類乾燥機は、粗大ごみとして処理することができません。）

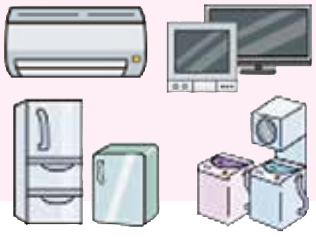

Cách đặt chỗ （予約方法）

～2027. 3. 31	**Trung tâm Đặt lịch thu gom rác cồng kềnh　☎ 0480-31-8286**
2027. 4. 1～	**Miyashiro Town** **☎ 0480-34-1111** **[Ngày tiếp nhận] Từ thứ Hai đến thứ Sáu**（受付日） **[Giờ làm việc] Từ 8 giờ 45 phút sáng đến 4 giờ 30 phút chiều**（受付時間）

Thứ tự thu gom rác quá khổ （粗大ごみ収集の手順）



① Điện thoại đăng ký
Có thể đăng ký nhiều nhất là 5 cái

（電話で予約する。５個まで予約できます）



② Mua phiếu xử lý rác quá khổ tại cửa hàng 1 phiếu là 550 yen

（下記の店舗で粗大ごみ処理券を１枚 550 円で購入する）



③ Nếu bỏ thì dán phiếu xử lý

（指定された日・場所に処理券を貼って出す）

Cửa hàng bán phiếu xử lý rác quá khổ
（粗大ごみ処理券販売店）

Ozawa（Liquor Shop）	Kawabata 1-8-1
Liquor & Wine Tuchibuchi	Kawabata 3-2-9
Shintakuya Liquor Shop	Suka 1015-1
Kasumi-Miyashiro	Dobutu 1-1-50
Seven-Eleven Miyashiro-Nishikumehara	Nishikumehara 420
Iri No Tana	Higashi 78
Azumaya Liquor Shop	Higashihimemiya1-9-1
Kobune Kanamono-Ten	Honden 1-3-20
Family Mart Miyashiro-Honden	Honden 2-7-2
Yaotake Liquor Shop	Miyashirodai 1-10-7
Shinkawaya	Monma 2-6-27
Kanawa	Yamazaki 354
Miyo Beauty parlor	Wado 1-10-8
Liquor Shop Noguchi	Wado 4-3-23
Seven-Eleven Miyashiro-Wado	Wado 1497-1

phiếu xử lý rác quá
（粗大ごみ処理券）

● Mỗi mặt hàng cần xử lý rác cồng kềnh sẽ cần 1 phiếu xử lý.
(Trường hợp ngoại lệ : Vui lòng xác nhận trước qua điện thoại)
粗大ごみ処理券は品目１点につき１枚（例外：事前に電話で確認してください）

● Vé xử lý rác cồng kềnh một khi đã dán vào thì không thể bóc ra được, vì vậy xin vui lòng dán đúng cách.
粗大ごみ処理券は一度貼ると剥がせませんので正しく貼ってください。

● Khi vứt rác cồng kềnh, vui lòng ghi ro họ tên và ngày thu gom.
粗大ごみを処分する際は、必ず氏名と収集日を記入してください。

Lịch trình thu thập

（収集スケジュール）

Rác đốt được （燃やせるごみ）	Chai lọ thủy tinh, nhôm, nhựa （びん･缶･ペットボトル）	Thùng carton （ダンボール） Quần áo （布・衣類）	Báo （新聞） Tạp chí, bìa giấy cứng các loại （雑誌・ざつがみ） Vỏ giấy hộp sữa （飲料用紙パック）	Rác độc hại （有害ごみ）	Rác không đốt được （燃やせないごみ）	Khu vực （地域）
Thứ 3 （火曜） Thứ 6 （金曜）	Thứ 2 （月曜）	Thứ 2 của tuần thứ 1･3 （第１・３月曜）	Thứ 2 của tuần thứ 2･4 （第２・４月曜）	Thứ 4 của tuần thứ 3 （第３水曜）	Thứ 4 của tuần thứ 4 （第４水曜）	Wado1~5, Suka, Wado(Except : Wado2103), Kokunou, Higashikumehara, Nishikumehara, Miyashirodai1~3, Wadoyokomachi1~2
	Thứ 5 （木曜）	Thứ 5 của tuần thứ 1･3 （第１・３木曜）	Thứ 5 của tuần thứ 2･4 （第２・４木曜）			Chuo1~3, Gakuendai1~4, Kasahara1~2, Honden1~5, Monma, Monma1~6, Doubutsu, Doubutsu1~3, Yamazaki, Sakasai, Kanehara, Miyashiro1~3, Miyahigashi, Nakajima, Himemiya, Kawabata, Kawabata1~4, Higashihimemiya1~2, Higashi, Naka, Nishibara, Wado2103 (Momoyamadai)



「すてずん」

Giảm thiểu chất thảại và tái chế tài nguyên mà mỗi người nên biết

（一人ひとりが自覚を持って進めるごみの減量化と資源化）

Nhân vật khuyến khích giảm thất thoát lương thực thị trấn Miyashiro

（宮代町食品ロス削減推進キャラクター）